TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2026/HS-PT
Ngày: 28-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Ngô Mạnh Cường

Bà Trần Thị Hoà Hiệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Châu Loan, Thư ký viên Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Vi D, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 181/2026/TLPT-HS ngày 20/3/2026, đối với bị cáo Phan Thị N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Họ và tên: **Phan Thị N**, sinh ngày 20/10/1985 tại tỉnh Bạc Liêu - nay là tỉnh Cà Mau; Căn cước công dân số 095185006669; Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu - nay là xã H, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Phan Văn C và bà Lữ Thị T; Có chồng là Bùi Hoàng M và 02 người con (con nhỏ nhất sinh ngày 28/11/2023); Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Ông Huỳnh Anh T1, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Anh T1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

* Ngoài ra, trong vụ án còn có 69 người bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Toà án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2009, Phan Thị N tổ chức mở hụi, làm chủ hụi và kêu gọi nhiều người dân trên địa bàn huyện H, tỉnh Bạc Liêu và địa bàn lân cận tham gia chơi hụi để hưởng tiền hoa hồng. Từ năm 2020 đến năm 2023, do mất cân đối trong việc thanh toán nợ hụi và lợi dụng việc các hụi viên tin tưởng do tham gia chơi hụi nhiều năm, không yêu cầu cung cấp danh sách hụi và không tham gia khui hụi nên Phan Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của hụi viên để lấp hụi, chi xài trong gia đình sau đó tuyên bố bể hụi, liên quan đến các phần hụi như sau:

1. Về hành vi mạo danh hụi viên để hốt hụi:

1.1 Dây 1: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 07/4/2021 (nhằm ngày 26/02/2021 âm lịch), gồm 16 hụi viên, 20 phần hụi (20 chân hụi), 02 tháng khui (mở) hụi 01 lần (kỳ), đã khui 16 lần.

Có 09 hụi viên góp hụi là **427.280.000 đồng** gồm các ông bà Võ Thị T2 (chị Năm C1) 50.660.000 đồng, Phạm Thị M1 (chị M1) 50.660.000 đồng, Trần Thị Mỹ L (chị Mỹ L) 50.660.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 50.660.000 đồng, Huỳnh Thị T3 (S) 50.660.000 đồng, Quách Thị Đ (chị Đ) 22.000.000 đồng, Cao Thanh T4 (Tuyền) 50.660.000 đồng, Trương Thị Bạch L1 (Tuyền) 50.660.000 đồng và Trần Thị L2 (mợ T) 50.660.000 đồng.

Có 06 hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền là **115.000.000 đồng**, gồm các ông bà Võ Thị T2 nợ 20.000.000 đồng, Phạm Thị M1 nợ 20.000.000 đồng, Phạm Hoàng S nợ 20.000.000 đồng, Dương Thị N1 nợ 15.000.000 đồng, Dương Thị T5 nợ 20.000.000 đồng và Trương Thu N2 nợ 20.000.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 04 phần hụi nhưng không xác định được cụ thể mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Võ Thị T2 và bà Phạm Thị M1 mỗi người còn phải đóng cho bị cáo 20.000.000 đồng, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho 09 hụi viên trong dây hụi này là **387.280.000 đồng**, gồm các ông bà và số tiền như sau: Võ Thị T2 (chị Năm C1) 30.660.000 đồng, Phạm Thị M1 (chị M1) 30.660.000 đồng, Trần Thị Mỹ L (chị Mỹ L) 50.660.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 50.660.000 đồng, Huỳnh Thị T3 (S) 50.660.000 đồng, Quách Thị Đ (chị Đ) 22.000.000 đồng, Cao Thanh T4 (Tuyền) 50.660.000 đồng, Trương Thị Bạch L1 (Tuyền) 50.660.000 đồng, Trần Thị L2 (mợ T) 50.660.000 đồng.

1.2 Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 04/01/2022 (nhằm ngày 02/12/2021 âm lịch), gồm 15 hụi viên, 24 phần hụi (24 chân hụi), 01 tháng khui (mở) hụi 01 lần (kỳ), đã khui 22 lần.

Có 09 hụi viên góp hụi tổng cộng là **343.090.000 đồng**, gồm các ông bà

Trương Thu N2 (chị N2) 31.190.000 đồng, Lê Hồng T6 (chế Tươi) 31.190.000 đồng, Dương Thị N1 (chị Tư L3) 62.380.000 đồng, Phan Thị D1 (D1) 31.190.000 đồng, Võ Thị T7 (Đương) 31.190.000 đồng, Võ Bích T8 (chị Ba R) 31.190.000 đồng, Hà Thị X (X - Nhiên) 31.190.000 đồng, Trần Thị M2 (Mãi) 31.190.000 đồng, Trần Thị T9 (Hẹ, Mợ 7 Tần, A. P) 62.380.000 đồng.

Có 04 hụi viên nợ hụi chết là **34.000.000 đồng**, gồm các ông bà Trương Thu N2 nợ 6.000.000 đồng, Quách Thị Đ nợ 8.000.000 đồng, Lâm Yến O nợ 12.000.000 đồng, Dương Thị T5 nợ 8.000.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 09 phần hụi nhưng không xác định được cụ thể mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Trương Thu N2 còn phải đóng cho bị cáo 6.000.000 đồng, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho 09 hụi viên là **337.090.000 đồng**, gồm các ông bà Trương Thu N2 (chị N2) 25.190.000 đồng, Lê Hồng T6 (chế Tươi) 31.190.000 đồng, Dương Thị N1 (chị Tư L3) 62.380.000 đồng, Phan Thị D1 (D1) 31.190.000 đồng, Võ Thị T7 (Đương) 31.190.000 đồng, Võ Bích T8 (chị Ba R) 31.190.000 đồng, Hà Thị X (X - Nhiên) 31.190.000 đồng, Trần Thị M2 (Mãi) 31.190.000 đồng và Trần Thị T9 (Hẹ, Mợ 7 Tần, A. P) 62.380.000 đồng.

1.3 Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng mở ngày 06/4/2022 (nhằm ngày 06/3/2022 âm lịch), gồm 15 hụi viên, 24 phần hụi, 01 tháng khui (mở) 01 lần, đã khui 19 lần.

Có 12 hụi viên đóng tổng cộng là **441.180.000 đồng**, gồm các ông bà Bùi Thị C2 (Cẩm) 24.510.000 đồng, Bành Thị M3 (M3) 49.020.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 24.510.000 đồng, Phạm Thị T10 (Lãm) 24.510.000 đồng, Phạm Thị T11 (chị Lệ T12, chị Hai G) 49.020.000 đồng, Phạm Thị D2 (chị D2) 122.550.000 đồng, Phan Thị D1 (D1) 24.510.000 đồng, Nguyễn Thị G1 (chị T13) 24.510.000 đồng, Mai Thị T14 (chị T15) 24.510.000 đồng, Hà Thị X (X - Nhiên) 24.510.000 đồng, Nguyễn Văn C3 (Triết) 24.510.000 đồng và Thiều Thị H (Bay) 24.510.000 đồng.

Có 02 hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền là **20.000.000 đồng**, gồm các ông bà Phạm Thị T11 nợ 10.000.000 đồng, Phạm Thị Duyên N3 10.000.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 15 phần hụi nhưng không xác định được cụ thể mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Phạm Thị T11 và Phạm Thị D2 mỗi người còn phải đóng cho bị cáo 6.000.000 đồng, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho 12 hụi viên là **421.180.000 đồng**, gồm các ông bà Bùi Thị C2 (Cẩm) 24.510.000 đồng, Bành Thị M3 (M3) 49.020.000 đồng, Phạm Hồng K (Anh N) 24.510.000 đồng, Phạm Thị T10 (Lãm) 24.510.000 đồng, Phạm Thị T11 (chị Lệ T12, chị Hai G) 39.020.000 đồng, Phạm Thị D2 (Chị D2) 112.550.000 đồng, Phan Thị D1 (D1) 24.510.000 đồng, Nguyễn Thị G1 (chị T13) 24.510.000 đồng, Mai Thị T14 (chị T15) 24.510.000 đồng, Hà Thị X (X – Nhiên) 24.510.000 đồng, Nguyễn Văn C3 (Triết) 24.510.000 đồng và Thiều Thị H (Bay) 24.510.000

đồng.

1.4 Dây 4: Hụi 3.000.000 đồng mở ngày 04/6/2022 (nhằm ngày 06/5/2022 âm lịch), gồm 15 hụi viên, 22 phần hụi, 01 tháng khui 01 lần, đã khui 17 lần.

Có 12 hụi viên đóng tổng số tiền là **608.480.000 đồng**, gồm các ông bà Trương Chí L4 (A. L4) 38.030.000 đồng, Bành Thị M3 (M3) 114.090.000 đồng, Trần Trúc P1 (P1) 38.030.000 đồng, Lê Như Ý (L5) 38.030.000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm T16 (T16) 76.060.000 đồng, Trần Thị O1 (chị Út H1) 38.030.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 38.030.000 đồng, Dương Thị T5 (T5) 76.060.000 đồng, Nguyễn Thị G1 (chị T13) 38.030.000 đồng, Võ Thị T17 (chị Tư C4) 38.030.000 đồng, Đỗ Văn Bé H2 (chị A) 38.030.000 đồng và Trần Thị M2 (Mãi) 38.030.000 đồng.

Có 02 hụi viên nợ hụi chết với tổng số tiền là **45.000.000 đồng**, gồm các ông bà Lê Như Ý nợ 15.000.000 đồng và Dương Thị T5 nợ 30.000.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 14 phần hụi nhưng không xác định được cụ thể mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Lê Như Ý 15.000.000 đồng và Dương Thị T5 30.000.000 đồng còn phải đóng cho bị cáo, tổng số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho 12 hụi viên là **563.480.000 đồng**, gồm các ông bà Trương Chí L4 (A. L4) 38.030.000 đồng, Bành Thị M3 (M3) 114.090.000 đồng, Trần Trúc P1 (P1) 38.030.000 đồng, Lê Như Ý (L5) 23.030.000 đồng, Nguyễn Thị Cẩm T16 (T16) 76.060.000 đồng, Trần Thị O1 (chị Út H1) 38.030.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 38.030.000 đồng, Dương Thị T5 (T5) 46.060.000 đồng, Nguyễn Thị G1 (chị T13) 38.030.000 đồng, Võ Thị T17 (chị Tư C4) 38.030.000 đồng, Đỗ Văn Bé H2 (Chị A) 38.030.000 đồng và Trần Thị M2 (Mãi) 38.030.000 đồng.

1.5 Dây 5: Hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/7/2022 (nhằm ngày 22/6/2022 âm lịch) gồm 11 hụi viên, 20 phần hụi, 02 tháng khui 01 lần, đã khui 08 lần.

Có 10 hụi viên đóng hụi với tổng số tiền là **295.490.000 đồng**, gồm các ông bà Dương Thị T5 (Trọng) 45.460.000 đồng, Huỳnh Thị T18 (Lựa) 22.730.000 đồng, Huỳnh Thị Bé T19 (T20, Đ1) 22.730.000 đồng, Quách Thị Đ (chị Đ) 23.130.000 đồng, Trần Thị T9 (Hẹ, Mợ 7 Tần, A.Phú) 22.730.000 đồng, Trương Chí L4 (A. L4) 22.730.000 đồng, Võ Thị C5 (H5, chị 8 Bền) 45.460.000 đồng, Trương Thị L6 (C2, T16, H3) 45.460.000 đồng, Võ Thị L7 (chị L7) 22.730.000 đồng và Phan Thanh C6 (M) góp 22.730.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 02 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho 10 hụi viên là **295.490.000 đồng**.

1.6 Dây 6: Hụi 2.000.000đ mở ngày 26/7/2022 (nhằm ngày 28/6/2022 âm lịch), gồm 11 hụi viên, 24 phần hụi, 01 tháng khui một lần, đã khui 15 lần.

Có 08 hụi viên đóng hụi với tổng số tiền là **248.760.000 đồng**, gồm các ông

bà Phan Thị Đ2 (chị Tư Đ3) 20.730.000 đồng, Võ Thị C5 (H5, chị 8 Bền) 41.460.000 đồng, Nguyễn Bích H4 (T, Chị 3 Ten) 41.460.000 đồng, Huỳnh Văn N4 (Ngối, 7 Ái) 20.730.000 đồng, Dương Thị T5 (T5) 41.460.000 đồng, Dương Thị N1 (thiếm T) 20.730.000 đồng, Trần Thị O1 (chị Út H1) 41.460.000 đồng và Nguyễn Thanh T21 (N5) 20.730.000 đồng.

Có 01 hụi viên là Dương Thị T5 nợ hụi chết là **36.000.000 đồng**.

Bị cáo mạo danh 04 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Dương Thị T5 còn phải đóng cho bị cáo 36.000.000 đồng, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **212.760.000 đồng**.

1.7 Dây 7: Hụi 1.000.000đ mở ngày 05/10/2022 (nhằm ngày 10/9/2022 âm lịch), gồm 16 hụi viên, 25 phần hụi, 01 tháng khui 01 lần, đã khui 13 lần.

Có 14 hụi viên góp hụi với tổng số tiền là **150.920.000 đồng**, gồm các ông bà Trần Thị D3 (Dì 8) 7.920.000 đồng, Võ Thị L8 (chị Út D4) 15.840.000 đồng, Lê Thị Thùy D5 (T) 16.280.000 đồng, Huỳnh Thị H5 (H5) 15.840.000 đồng, Nguyễn Mỹ X1 (chị Út C7) 7.920.000 đồng, Huỳnh Thị T3 (S) 7.920.000 đồng, Nguyễn Thị N6 (chị N6) 7.920.000 đồng, Lương Mộng T22 (chị N7) 7.920.000 đồng, Phan Thị D1 (D1) 7.920.000 đồng, Trần Thị T23 (vợ H6) 7.920.000 đồng, Huỳnh Thanh T24 (chị Đ4) 7.920.000 đồng, Mai Thị T14 (Chúc, chị T15) 15.840.000 đồng, Võ Thị C5 (H5, chị 8 Bền) 7.920.000 đồng và Lê Thị S1 (chị D1) 15.840.000 đồng.

Có 01 hụi viên là Lâm Yến O nợ hụi chết là **24.000.000 đồng**.

Bị cáo mạo danh 07 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **150.480.000 đồng**.

1.8 Dây 8: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 27/11/2022 (nhằm ngày 04/11/2022 âm lịch), gồm 14 hụi viên, 24 phần hụi, một tháng khui 01 lần, đã khui 11 lần.

Có 11 hụi viên góp hụi với tổng số tiền là **197.740.000 đồng**, gồm các ông bà Phan Thị Đ2 (chị Tư Đ3) 15.290.000 đồng, Quách Thị Đ (chị Đ5) 44.840.000 đồng, Lê Hồng T6 (chế Tươi) 15.290.000 đồng, Bùi Thị C2 (Cẩm) 15.290.000 đồng, Trịnh Thị Như Ý1 (Ý) 15.290.000 đồng, Phạm Thị T11 (chị Lệ T12, chị Hai G) 15.290.000 đồng, Lê Thị C8 (chị T25) 15.290.000 đồng, Võ Thị T2 (chị Năm C1) 15.290.000 đồng, Trương Thị Bạch L1 (Tuyền) 15.290.000 đồng, Trương Chí L4 (A.L4) 15.290.000 đồng, Hà Thị X (X - Nhiên) 15.290.000 đồng.

Có 02 hụi viên nợ hụi chết là **52.000.000 đồng**, gồm bà Dương Thị T5 (T5) nợ 26.000.000 đồng, bà Thiều Thị H (Bay) nợ 26.000.000 đồng.

Bị cáo mạo danh lãnh 09 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **197.740.000**

đồng.

1.9 Dây 9: Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 23/12/2022 (nhằm ngày 01/12/2022 âm lịch), gồm 10 hụi viên, 20 phần hụi, 02 tháng khui 01 lần, đã khui 05 lần.

Có 06 hụi viên góp hụi với số tiền là **107.450.000 đồng**, gồm các ông bà Dương Thị T5 (Trọng) 15.350.000 đồng, Trương Thị Bạch L1 (Tuyền) 15.350.000 đồng, Đỗ Văn Bé H2 (chị A) 15.350.000 đồng, Đỗ Văn B (chị Sáu B1) 15.350.000 đồng, Phan Trường G2 (M, Ú) 30.700.000 đồng và Phan Thanh C6 (Minh T26) 15.350.000 đồng.

Có 01 hụi viên là Dương Thị T5 nợ hụi chết là **75.000.000 đồng**.

Bị cáo mạo danh 04 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, sau khi đối trừ phần hụi chết mà bà Dương Thị T5 còn phải đóng cho bị cáo 75.000.000 đồng, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **92.100.000 đồng**.

1.10 Dây 10: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 27/01/2023 (nhằm ngày 06/01/2023 âm lịch), gồm 18 hụi viên, 24 phần hụi, một tháng khui 01 lần, đã khui 09 lần.

Có 16 hụi viên góp hụi sống với tổng số tiền là **250.730.000 đồng**, gồm các ông bà Phạm Thị D2 (chị D2) 12.790.000 đồng, Dương Thị L9 (chị Cà T27) 12.790.000 đồng, Trương Thị Bạch L1 (Tuyền) 12.790.000 đồng, Cao Thanh T4 (Tuyền) 11.890.000 đồng, Nguyễn Văn C3 (Triết) 25.580.000 đồng, Trần Thị M2 (Mãi) 25.580.000 đồng, Lê Thị C8 (chị T25) 25.580.000 đồng, Đồng Kim X2 (Xuyến M) 12.790.000 đồng, Võ Thị L7 (chị L7) 12.790.000 đồng, Thiều Thị H (Bay) 12.790.000 đồng, Hà Thị T28 (T28) 12.790.000 đồng, Trương Thị L6 (C, H3) 12.790.000 đồng, Nguyễn Thị G1 (chị T13) 12.790.000 đồng, Mai Thị T14 (chị T15) 12.790.000 đồng, Lê Thị Thùy D5 (T) 11.400.000 đồng và Dương Thị T5 (T5) 22.800.000 đồng.

Bị cáo mạo danh 05 phần hụi nhưng không xác định mạo danh hụi viên nào, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **250.730.000 đồng**.

1.11 Dây 11: Hụi 5.000.000đ, mở ngày 27/4/2023 (nhằm ngày 08/3/2023 âm lịch), gồm 08 hụi viên, 14 phần hụi, một tháng khui 01 lần, đã khui 06 lần.

Có 06 hụi viên góp hụi sống với tổng số tiền là **142.200.000 đồng**, gồm các ông bà Thiều Thị H (Bay) 23.700.000 đồng, Trương Thị Thu B2 (chế Thu Ba) 23.700.000 đồng, Trương Chí L4 (A. L4) 23.700.000 đồng, Dương Thị T5 (T5) 23.700.000 đồng, Phạm Hồng K (anh Năm K1) 23.700.000 đồng và Đỗ Văn B (chị 6 Bưởi) 23.700.000 đồng.

Danh sách hụi bị cáo ghi tên bị cáo nhưng thực tế bị cáo không tham gia và

mạo danh hốt hụi, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **142.200.000 đồng**.

1.12 Dây 12: Hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 30/5/2023 (nhằm ngày 12/4/2023 âm lịch), 08 hụi viên, có 20 phần hụi, một tháng khui 01 lần, đã khui 05 kỳ.

Có 07 hụi viên góp hụi sống với tổng số tiền là **88.320.000 đồng**, gồm các ông bà Trần Trúc P1 (P1) 11.040.000 đồng, Nguyễn Bích H4 (chị 3 Ten) 11.040.000 đồng, Võ Thị T17 (chị Tư C4) 11.040.000 đồng, Phan Thị Thúy T29 (T) 11.040.000 đồng, Dương Thị N1 (thiếm Tư Lực) 22.080.000 đồng, Trần Thị L2 (mợ T) 11.040.000 đồng và Trần Thị D3 (D3) 11.040.000 đồng.

Danh sách hụi bị cáo ghi tên bị cáo nhưng thực tế bị cáo không tham gia và mạo danh hốt hụi, số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường trong dây hụi này là **88.320.000 đồng**.

2. Hành vi lập hụi khống để chiếm đoạt tiền góp hụi:

2.1. Phan Thị N thông báo mở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng vào ngày 16/3/2022, mời gọi bà Lê Hồng T6 tham gia 01 phần; chiếm đoạt 18 kỳ góp hụi với tổng số tiền là 25.200.000 đồng;

2.2. Phan Thị N thông báo mở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng vào ngày 29/4/2022, mời gọi bà Lê Hồng T6 tham gia 01 phần; chiếm đoạt 17 kỳ góp hụi với tổng số tiền 23.800.000 đồng;

2.3. Phan Thị N thông báo mở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng vào ngày 08/02/2022, mời gọi bà Lê Hồng T6 tham gia 01 phần; chiếm đoạt 19 kỳ góp hụi với tổng số tiền là 32.300.000 đồng;

2.4. Phan Thị N thông báo mở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng vào ngày 16/3/2022, mời gọi bà Trần Thị D3 tham gia 01 phần; chiếm đoạt 20 kỳ góp hụi với tổng số tiền là 28.000.000 đồng;

2.5. Phan Thị N thông báo mở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng vào ngày 22/5/2022, mời gọi bà Phan Thị Đ2 tham gia 01 phần; chiếm đoạt 17 kỳ góp hụi với tổng số tiền là 21.250.000 đồng.

3. Về hành vi bán hụi khống để chiếm đoạt tiền mua hụi:

Dựa trên các dây hụi có thật và hụi không có thật, bị can nói dối có người sang bán hụi để bán 29,5 phần hụi khống, chiếm đoạt tổng số tiền là **1.161.370.000 đồng**, cụ thể:

3.1 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 25/8/2022 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Võ Thị T7 tại kỳ 11, với số tiền 25.300.000đ. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Võ Thị T7 với tổng số tiền là 2.500.000 đồng.

3.2 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 28/6/2022, bị can bán 01 phần hụi khống cho Huỳnh Thị T18 tại kỳ 21, với số tiền 33.600.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Huỳnh Thị T18 với tổng số tiền là 9.270.000 đồng.

3.3 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2022, bị can bán 01 phần hụi khống cho Nguyễn Thị T30 tại kỳ 4, với số tiền 42.600.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Nguyễn Thị T30 với tổng số tiền là 9.910.000 đồng.

3.4 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 07/4/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Phan Thị Đ2 tại kỳ 5, với số tiền 41.900.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Phan Thị Đ2 với tổng số tiền 1.250.000 đồng.

3.5 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 16/01/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Hà Thị Bé K2 tại kỳ 2, với số tiền 32.740.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Hà Thị Bé K2 với tổng số tiền 4.060.000 đồng.

3.6 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2022, bị can bán 01 phần hụi khống cho Dương Thị T5 tại kỳ 1, với số tiền 41.550.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Dương Thị T5 với tổng số tiền 12.970.000 đồng.

3.7 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2022, bị can bán 01 phần hụi khống cho Dương Thị T5 tại kỳ 1, với số tiền 52.600.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Dương Thị T5 với tổng số tiền 17.270.000 đồng.

3.8 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 10/2/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Dương Thị T5 tại kỳ 1, với số tiền 57.800.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Dương Thị T5 với tổng số tiền 9.200.000 đồng.

3.9 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 26/02/2022, bị can bán 01 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 1, với số tiền 33.950.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trương Thu N2 với tổng số tiền 14.670.000 đồng.

3.10 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 06/3/2022, bị can bán 02 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 1, với số tiền 56.880.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trương Thu N2 với tổng số tiền 27.340.000 đồng.

3.11 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 01/08/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 1, với

số tiền 89.600.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trương Thu N2 với tổng số tiền 22.800.000 đồng.

3.12 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 13/01/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 9, với số tiền 20.140.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trương Thu N2 với tổng số tiền 3.800.000 đồng.

3.13 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 18/11/2020 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 10, với số tiền 22.750.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trương Thu N2 với tổng số tiền 6.630.000 đồng.

3.14 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 26/02/2021, bị can bán 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 6, với số tiền 61.950.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 18.440.000 đồng.

3.15 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 24/01/2022 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 11, với số tiền 92.750.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 12.000.000 đồng.

3.16 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 16/5/2022 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 5, với số tiền 43.500.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 8.250.000 đồng.

3.17 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 06/3/2022, bị can bán 1/2 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 1, với số tiền 28.440.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 13.490.000 đồng.

3.18 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 12/01/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 8, với số tiền 95.900.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 23.800.000 đồng.

3.19 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 08/3/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 1, với số tiền 86.000.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 12.600.000 đồng.

3.20 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 12/4/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 1, với số tiền 76.000.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 7.920.000 đồng.

3.21 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 30/4/2022 (dây hụi không có thật), bị can bán 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 9, với số

tiền 43.500.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 6.000.000 đồng.

3.22 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 01/6/2023 (dây hụi không có thật), bị can bán 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 1, với số tiền 81.920.000 đồng. Sau khi bán hụi, bị can đóng lãi cho Trần Thị L2 với tổng số tiền 44.200.000 đồng.

4. Về hành vi sang nhượng hụi để chiếm đoạt tiền góp hụi:

Thông qua dây hụi có thật và không có thật, bị can nói dối có người muốn sang nhượng hụi, để chuyển nhượng cho người khác 28 phần hụi khống, chiếm đoạt tổng số tiền **740.300.000 đồng**, cụ thể:

4.1 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng (không xác định ngày và dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Thiều Thị H tại kỳ 17, với số tiền 27.200.000 đồng. Sau khi sang hụi, Thiều Thị H tiếp tục đóng với tổng số tiền 5.600.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 32.800.000 đồng.

4.2 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 15/8/2020 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 16, với số tiền 24.640.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 26.480.000đ. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 51.120.000 đồng.

4.3 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 09/4/2021 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 12, với số tiền 34.800.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 67.680.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 102.480.000 đồng.

4.4 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 07/4/2021, bị can sang 01 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 10, với số tiền 20.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 21.450.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 41.450.000 đồng.

4.5 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 01/7/2021 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 18, với số tiền 27.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 14.330.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 41.330.000 đồng.

4.6 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 11/9/2021 (dây hụi không có thật), bị can sang 2 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 15, với số tiền 42.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 28.640.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 70.640.000 đồng.

4.7 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 06/6/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Lê Thị N8 tại kỳ 10, với số tiền 14.400.000 đồng. Sau khi sang hụi, Lê Thị N8 tiếp tục đóng số tiền 23.200.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 37.600.000 đồng.

4.8 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 20/8/2021 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Huỳnh Thị C9 tại kỳ 13, với số tiền 18.200.000 đồng. Sau khi sang hụi, Huỳnh Thị C9 tiếp tục đóng số tiền 16.800.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 35.000.000 đồng.

4.9 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 30/6/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Trương Thu N2 tại kỳ 8, với số tiền 22.060.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trương Thu N2 tiếp tục đóng số tiền 9.240.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 31.300.000 đồng.

4.10 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 13/11/2021 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 10, với số tiền 30.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 3.200.000đ. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 33.200.000 đồng.

4.11 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 5.000.000 đồng, mở ngày 02/8/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 10, với số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 6.400.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 46.400.000 đồng.

4.12 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 15/3/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 15, với số tiền 19.500.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 3.720.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 23.220.000 đồng.

4.13 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 06/5/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 13, với số tiền 16.900.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 4.200.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 21.100.000 đồng.

4.14 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, mở ngày 21/8/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 11, với số tiền 23.100.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 2.500.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 25.600.000 đồng.

4.15 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 3.000.000 đồng, không xác định ngày (dây hụi không có thật), bị can sang 1 phần hụi khống cho Trần Thị L2 tại kỳ 9, với số tiền 19.350.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị L2 tiếp tục đóng số tiền 3.750.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 23.100.000 đồng.

4.16 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 04/7/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trương Thị Thu B2 tại kỳ 10, với số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trương Thị Thu B2 tiếp tục đóng số tiền 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 21.000.000 đồng.

4.17 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 08/3/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 01 phần hụi khống cho Trần Thị D3 tại kỳ 15, với

số tiền 10.500.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị D3 tiếp tục đóng số tiền 1.860.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 12.360.000 đồng.

4.18 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 19/9/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Trần Thị D3 tại kỳ 8, với số tiền 24.800.000 đồng. Sau khi sang hụi, Trần Thị D3 tiếp tục đóng số tiền 7.000.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 31.800.000 đồng.

4.19 Trên cơ sở dây hụi tháng loại 2.000.000 đồng, mở ngày 18/3/2022 (dây hụi không có thật), bị can sang 02 phần hụi khống cho Khưu Lệ Thũy tại kỳ 10, với số tiền 30.800.000 đồng. Sau khi sang hụi, Khưu Lệ T31 tiếp tục đóng số tiền 28.000.000 đồng. Tổng số tiền bị can chiếm đoạt là 58.800.000 đồng.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTCM-P1 ngày 10/9/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Phan Thị Nhiệm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phan Thị N 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng, các quy định về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/01/2026, bị cáo Phan Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Diễn biến tại phiên toà phúc thẩm: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Phan Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo N trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường thêm cho các bị hại với số tiền 506.800.000 đồng và được nhiều người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo N làm trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

2. Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo N:

- Về tội danh: Kết quả điều tra đã thể hiện, trong khoảng thời gian từ 2020 đến 2023, bị cáo N đã mở nhiều dây hụi có thật sau đó giả mạo những hụi viên

không có thật để hốt hụi; lập nhiều dây hụi khống và bán nhiều phần hụi khống cho nhiều người, chiếm đoạt tổng số tiền 4.932.420.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo và tuyên phạt bị cáo N 12 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N tiếp tục bồi thường thêm cho những người bị hại 506.800.000 đồng và được nhiều người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo N; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm cho bị cáo 01 năm tù.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo N phát biểu:

- Về tội danh: Luật sư không tranh luận.

- Về hình phạt: Luật sư thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, việc bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho các bị hại 506.800.000 đồng đã thể hiện thiện chí của bị cáo trong việc khắc phục hậu quả của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ thêm hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo N rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Thị N làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo N, nhận thấy:

[2.1] Về tội danh:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo N tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những người bị hại, người liên quan; đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để kết luận:

Từ năm 2020 đến 2023, Phan Thị N đứng ra làm chủ nhiều dây hụi. Trong quá trình làm chủ hụi, do có một số hụi viên hốt hụi sống nhưng không đóng hụi chết, dẫn đến mất cân đối tiền. Để cân đối tiền bạc và có tiền lo cho gia đình, tiêu xài cá nhân, bị cáo N đã thực hiện các hành vi mạo danh một số hụi viên không có thật trong 12 dây hụi để hốt hụi, lập khống 05 dây hụi, bán khống 29,5 phần hụi và

sang nhượng 28 phần hụi, chiếm đoạt của 69 người bị hại, với tổng số tiền 4.932.420.000 đồng.

Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được việc thực hiện các hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội, nhưng vì động cơ muốn giải quyết việc cân đối tiền bạc khi một số hụi viên không đóng hụi chết và có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo N về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, với tình tiết định khung tăng nặng *"Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về hình phạt: Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho bị cáo, cụ thể:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nộp tiền khắc phục một phần hậu quả; tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang mang thai; có nhiều người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết tăng nặng tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Cân đối giữa tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng thì bị cáo N có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bản án sơ thẩm xét xử bị cáo ở mức khởi điểm của khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có phần nghiêm khắc. Đặc biệt, sau khi xét xử sơ thẩm, ý thức được hành vi phạm tội của mình, thật sự ăn năn hối cải, bị cáo đã tiếp tục bồi thường cho những người bị hại thêm 506.800.000 đồng. Điều này thể hiện bị cáo có thiện chí bồi thường, khắc phục hậu quả.

[3] Từ những phân tích nêu trên xét thấy kháng cáo của bị cáo N, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo và đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà là có căn cứ để chấp nhận. Cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo N dưới khung hình phạt, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Đối với số tiền 506.800.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường thêm sau khi xét xử sơ thẩm sẽ được trừ vào trách nhiệm bồi thường của bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị N. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị N 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Phan Thị N chấp hành án.

[3] Đối với số tiền 506.800.000 (năm trăm lẻ sáu triệu tám trăm ngàn) đồng mà bị cáo Phan Thị N đã bồi thường thêm sau khi xét xử sơ thẩm sẽ được trừ vào trách nhiệm bồi thường của bị cáo trong giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Thị N không phải chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, HCTP (NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Khoa